

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-02-2020.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

2. Bà Huỳnh Ngọc Sương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21/02/2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1485/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/01/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST – HNGĐ ngày 21/01/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1973; HKTT: Khu A, Ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: Khu phố Đ, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Bị đơn: Ông Võ Văn M, sinh năm 1963; HKTT: Xã Đ, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: Khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2019, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà Trần Thị H và ông Võ Văn M tự nguyện chung sống từ năm 2001 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01 ngày 24/12/2001.

Sau khi kết hôn bà H và ông M chung sống tại tỉnh Hà Tĩnh một thời gian, đến năm 2011 chuyển đến sống tạm trú tại địa chỉ số khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cãi nhau, lý do cãi nhau vì ông M không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến con chung, không cùng bà H lo cho kinh tế gia đình. Thời gian vợ chồng chưa ly thân thì bà H không nhận được sự chia sẻ, cảm thông, giúp đỡ từ ông M.

Bà H đã nhiều lần ngồi nói chuyện để hàn gắn tình cảm với ông M nhưng không thành. Do không thể chung sống với ông M được nữa nên bà H đã sống ly thân ông M từ năm 2014 đến nay.

Trong thời gian bà H và ông M phát sinh mâu thuẫn không được chính quyền địa phương hay khu phố hòa giải vì bà H và ông M không yêu cầu. Bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông M, không còn quan tâm đến cuộc sống của ông M. Đồng thời, khi bà H nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn có gọi điện cho ông M thông báo về việc ly hôn, ông M nói bà H tự giải quyết chứ ông M không đến Tòa án làm việc.

Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với bị đơn ông Võ Văn M. Về con chung, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Võ Thị Thùy L, sinh ngày 26/12/2002, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn M đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án nhân dân thị xã Thuận An để làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trần Thị H và ông Võ Văn M là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Võ Văn M;

Về con chung: Giao con chung tên Võ Thị Thùy L, sinh ngày 26/12/2002 cho bà Trần Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H về việc không yêu cầu ông Võ Văn M phải cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179, 196, 208 và Điều

220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn ông Võ Văn M vẫn cố tình vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án nhân dân thị xã Thuận An để làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại khu phố Đ, phường H, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Võ Văn M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyền số 01 ngày 24/12/2001, như vậy hôn nhân của bà H và ông M là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Tòa án không làm việc được với ông M. Bà H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài. Do vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông M.

Dựa trên cơ sở lời khai của bà H xác định trong cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, không hạnh phúc. Ngoài ra, ông M không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến con chung, không cùng bà H lo cho kinh tế gia đình, bà H không nhận được sự chia sẻ, cảm thông, giúp đỡ từ ông M. Bà H đã nhiều lần ngồi nói chuyện để hàn gắn tình cảm với ông M nhưng không thành. Bà H xác định không còn tình cảm với ông M, không muốn tiếp tục chung sống với ông M nữa.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông M không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Bà H xác định vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, bà H xác định không còn tình cảm với ông M. Đối với ông Võ Văn M không tham gia tố tụng, từ bỏ quyền chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H.

Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông M có 01 người con chung tên Võ Thị Thùy L, sinh ngày 26/12/2002. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay cháu L đang sống cùng với bà Trần Thị H, được bà H chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Ngoài ra, tòa án đã tiến hành làm việc với cháu L xác định cháu có nguyện vọng muốn được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà H không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36; Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 56, 58, 81, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với bị đơn ông Võ Văn M về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Võ Văn M.

- Về con chung: Giao con chung tên Võ Thị Thùy L, sinh ngày 26/12/2002 cho bà Trần Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H về việc không yêu cầu ông Võ Văn M cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036327 ngày 04/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyền số 01 ngày 24/12/2001);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ánh